

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 28

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiên Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiên Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61150429/19355693

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

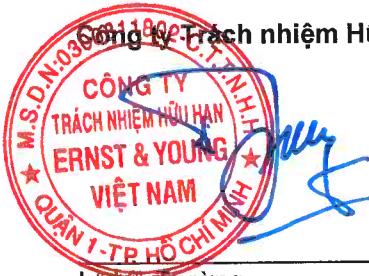
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 30 tháng 3 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.468.483.191.443	1.217.514.312.474
110	I. Tiền	4	31.534.925.989	32.221.251.711
111	1. Tiền		31.534.925.989	32.221.251.711
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.900.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		464.143.535.703	360.885.617.856
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	359.812.394.004	326.007.419.444
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	89.199.210.592	9.893.887.776
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	33.798.988.322	33.772.849.639
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(18.667.057.215)	(8.823.019.883)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	34.480.880
140	IV. Hàng tồn kho	7	871.499.141.039	714.275.506.872
141	1. Hàng tồn kho		875.137.345.613	715.840.230.632
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.638.204.574)	(1.564.723.760)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.305.588.712	105.231.936.035
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	2.825.033.541	3.997.643.556
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		98.452.406.960	101.234.292.479
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		28.148.211	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		105.542.124.116	88.713.562.678
210	I. Phải thu dài hạn		2.171.230.000	2.201.230.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2.171.230.000	2.201.230.000
220	II. Tài sản cố định		80.883.279.068	84.785.964.920
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	23.701.240.771	27.942.658.327
222	Nguyên giá		47.917.186.260	47.917.186.260
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.215.945.489)	(19.974.527.933)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	57.182.038.297	56.843.306.593
228	Nguyên giá		59.040.982.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.858.944.601)	(1.666.316.305)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	21.926.405.700	1.100.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		21.916.405.700	1.100.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		10.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		561.209.348	626.367.758
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		504.409.348	626.367.758
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		56.800.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.574.025.315.559	1.306.227.875.152

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		882.726.883.731	678.404.911.815
310	I. Nợ ngắn hạn		880.126.440.769	674.351.481.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	222.387.258.914	277.950.839.183
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	653.079.909	10.236.510.898
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	7.379.951.962	5.627.978.311
314	4. Phải trả người lao động		18.506.704.260	19.935.402.684
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	6.945.067.591	1.132.756.697
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		284.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.025.931.117	16.898.960.477
320	8. Vay ngắn hạn	16	620.944.447.016	342.569.033.686
330	II. Nợ dài hạn		2.600.442.962	4.053.429.879
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	2.600.442.962	4.053.429.879
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		691.298.431.828	627.822.963.337
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	691.298.431.828	627.822.963.337
411	1. Vốn cổ phần		407.517.470.000	306.133.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		407.517.470.000	306.133.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		61.233.761.416	152.617.941.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		228.420.137.578	174.944.669.087
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước		147.224.474.487	110.165.617.023
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		81.195.663.091	64.779.052.064
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.574.025.315.559	1.306.227.875.152


Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu


Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng




Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

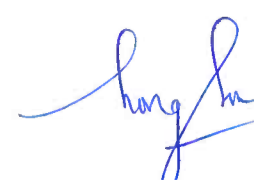
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

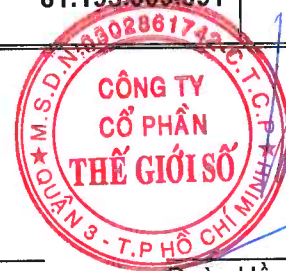
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	3.817.454.401.412	3.844.412.724.272
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(43.872.129.928)	(43.836.052.485)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.1	3.773.582.271.484	3.800.576.671.787
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	(3.510.255.148.073)	(3.559.815.014.525)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		263.327.123.411	240.761.657.262
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	24.460.633.692	19.263.862.346
22	7. Chi phí tài chính	21	(23.335.083.392)	(27.891.556.617)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(22.150.006.505)	(22.795.497.881)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(114.935.226.731)	(101.439.810.940)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(53.370.421.275)	(53.216.446.890)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		96.147.025.705	77.477.705.161
31	11. Thu nhập khác	22	9.432.190.825	5.927.452.997
32	12. Chi phí khác	22	(3.262.234.034)	(1.681.063.832)
40	13. Lợi nhuận khác	22	6.169.956.791	4.246.389.165
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		102.316.982.496	81.724.094.326
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(21.178.119.405)	(16.945.042.262)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.1	56.800.000	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		81.195.663.091	64.779.052.064



Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng




Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		102.316.982.496	81.724.094.326
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9, 10	4.434.045.852	4.003.934.985
03	Dự phòng		11.917.518.146	1.696.894.352
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(39.932.466)	395.913.831
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(501.204.914)	(574.266.666)
06	Chi phí lãi vay	21	22.150.006.505	22.795.497.881
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		140.277.415.619	110.042.068.709
09	Tăng các khoản phải thu		(110.317.136.827)	(13.443.470.656)
10	Tăng hàng tồn kho		(159.297.114.981)	(46.264.213.756)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(76.718.694.805)	143.591.740.759
12	Giảm chi phí trả trước		1.294.568.425	12.334.889.163
14	Lãi vay đã trả		(20.983.421.809)	(23.193.483.167)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.664.402.217)	(17.132.113.431)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(245.408.786.595)	165.935.417.621
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(7.495.024.423)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		(531.360.000)	375.000.000
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		4.900.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(20.826.405.700)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		501.204.914	199.266.666
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(15.956.560.786)	(6.920.757.757)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17.1	10.000.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	16	2.832.736.574.321	2.691.476.932.074
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(2.554.361.160.991)	(2.794.714.882.911)
36	Cổ tức đã trả	17.2	(27.720.194.600)	(54.492.790.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		260.655.218.730	(157.730.740.837)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(710.128.651)	1.283.919.027
60	Tiền đầu năm		32.221.251.711	30.935.444.507
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		23.802.929	1.888.177
70	Tiền cuối năm	4	31.534.925.989	32.221.251.711

Mai Thị Thúy Thoa
Người lập biểu

Ngô Hồng Sơn
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 486 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 386).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đề ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	141.493.270	127.165.372
Tiền gửi ngân hàng	31.393.432.719	32.094.086.339
TỔNG CỘNG	<u>31.534.925.989</u>	<u>32.221.251.711</u>

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	94.542.022.298	45.768.488.070
Khác	265.270.371.706	280.238.931.374
TỔNG CỘNG	<u>359.812.394.004</u>	<u>326.007.419.444</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8.804.827.367)	(8.823.019.883)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>351.007.566.637</u>	<u>317.184.399.561</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i> Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>284.000.000</i>	<i>-</i>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Xiaomi H.K Limited	60.108.424.149	-
Zhuhai Xiaomi Communications Co., Ltd	10.864.174.123	-
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	10.000.000.000	-
Khác	8.226.612.320	9.893.887.776
TỔNG CỘNG	<u>89.199.210.592</u>	<u>9.893.887.776</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i> Trả trước bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	32.874.099.492
Tạm ứng cho nhân viên	527.438.855	496.558.805
Khác	397.449.975	402.191.342
TỔNG CỘNG	33.798.988.322	33.772.849.639
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.862.229.848)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	23.936.758.474	33.772.849.639
Dài hạn		
Ký quỹ	2.171.230.000	2.201.230.000

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	681.015.313.115	540.219.030.384
Hàng mua đang đi đường	184.219.174.247	151.599.749.460
Hàng gửi đi bán	9.314.160.247	22.447.887.398
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	588.698.004	1.573.563.390
TỔNG CỘNG	875.137.345.613	715.840.230.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.638.204.574)	(1.564.723.760)
GIÁ TRỊ THUẦN	871.499.141.039	714.275.506.872

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	2.645.152.763	3.158.474.139
Công cụ, dụng cụ	179.880.778	839.169.417
TỔNG CỘNG	2.825.033.541	3.997.643.556

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					VND
Số đầu năm và cuối năm	21.183.180.735	2.145.916.525	21.801.104.571	2.786.984.429	47.917.186.260
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	708.237.132	3.780.422.013	2.733.284.429	7.221.943.574
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(6.241.661.415)	(1.112.613.771)	(9.859.861.272)	(2.760.391.475)	(19.974.527.933)
Khấu hao trong năm	(853.605.094)	(366.465.371)	(3.003.447.091)	(17.900.000)	(4.241.417.556)
Số cuối năm	(7.095.266.509)	(1.479.079.142)	(12.863.308.363)	(2.778.291.475)	(24.215.945.489)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	14.941.519.320	1.033.302.754	11.941.243.299	26.592.954	27.942.658.327
Số cuối năm	14.087.914.226	666.837.383	8.937.796.208	8.692.954	23.701.240.771

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
Mua trong năm	531.360.000	-	531.360.000
Số cuối năm	<u>57.081.360.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>59.040.982.898</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	1.448.018.873	1.448.018.873
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)
Hao mòn trong năm	-	(192.628.296)	(192.628.296)
Số cuối năm	-	<u>(1.858.944.601)</u>	<u>(1.858.944.601)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>56.550.000.000</u>	<u>293.306.593</u>	<u>56.843.306.593</u>
Số cuối năm	<u>57.081.360.000</u>	<u>100.678.297</u>	<u>57.182.038.297</u>

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	VND	sở hữu %	VND	sở hữu %
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	<u>21.916.405.700</u>	<u>100</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>100</u>
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	<u>10.000.000</u>	<u>25</u>	-	-

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Acer Incorporated	64.369.163.723	-
Asus Global Pte. Ltd.	60.691.530.673	51.938.871.042
Khác	97.326.564.518	226.011.968.141
TỔNG CỘNG	<u>222.387.258.914</u>	<u>277.950.839.183</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	2.009.290.154	2.061.190.303

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mega Alliance Holdings Limited	-	3.916.659.490
Vision Best Holdings Limited	-	3.760.054.645
Khác	653.079.909	2.559.796.763
TỔNG CỘNG	653.079.909	10.236.510.898

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.258.286.874	21.178.119.405	(19.664.402.217)	6.772.004.062
Thuế thu nhập cá nhân	369.691.437	6.510.751.731	(6.272.495.268)	607.947.900
TỔNG CỘNG	5.627.978.311	27.688.871.136	(25.936.897.485)	7.379.951.962

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chiết khấu thương mại	3.944.893.842	-
Lãi vay	1.566.622.303	478.979.693
Chi phí hoạt động	1.433.551.446	653.777.004
TỔNG CỘNG	6.945.067.591	1.132.756.697

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.531.502.492	1.285.975.178
Chi trả hộ	702.896.750	14.487.850.303
Khác	791.531.875	1.125.134.996
	3.025.931.117	16.898.960.477
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	2.448.000.000	3.293.000.000
Khác	152.442.962	760.429.879
	2.600.442.962	4.053.429.879

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng	342.569.033.686	2.832.736.574.321	(2.554.361.160.991)	620.944.447.016

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	286.282.643.624	Từ 24 tháng 1 năm 2018 đến 22 tháng 3 năm 2018	Từ 4,2 đến 5,25	Tại sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	110.500.000.000	Từ 9 tháng 2 năm 2018 đến 28 tháng 2 năm 2018	4,85	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	96.303.210.001	Từ 19 tháng 2 năm 2018 đến 21 tháng 4 năm 2018	5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	93.700.000.000	Từ 23 tháng 3 năm 2018 đến 24 tháng 4 năm 2018	Từ 5,3 đến 5,5	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	27.458.593.391	Từ 30 tháng 3 năm 2018 đến 27 tháng 4 năm 2018	Từ 5,5 đến 5,75	Tín chấp
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	6.700.000.000	Ngày 27 tháng 3 năm 2018	5,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	620.944.447.016			

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	64.779.052.064	64.779.052.064
Số cuối năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	174.944.669.087	627.822.963.337
Năm nay						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	174.944.669.087	627.822.963.337
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(27.720.194.600)	(27.720.194.600)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	81.195.663.091	81.195.663.091
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	91.384.180.000	(91.384.180.000)	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu ESOP (**)	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Số cuối năm	407.517.470.000	61.233.761.416	(6.272.937.166)	400.000.000	228.420.137.578	691.298.431.828

(*) Vào ngày 10 tháng 1 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 9.138.418 cổ phiếu thưởng với giá trị là 91.384.180.000 VND cho cổ đông hiện hữu, theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCD-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

(**) Vào ngày 22 tháng 12 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") trong Công ty và các công ty con mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu với tổng giá trị là 10.000.000.000 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/04-2017/HĐCD-DGW ngày 28 tháng 4 năm 2017. Vào ngày 10 tháng 1 năm 2018, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 407.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố	(27.720.194.600)	(54.492.790.000)
Cổ tức đã trả bằng tiền	(27.720.194.600)	(54.492.790.000)

17.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	40.751.747	39.751.747
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	40.751.747	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.751.747	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	40.600.278	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.600.278	30.461.860

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.817.454.401.412	3.844.412.724.272
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.796.548.118.835	3.829.535.070.334
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.906.282.577	14.877.653.938
Các khoản trừ doanh thu	(43.872.129.928)	(43.836.052.485)
DOANH THU THUẦN	3.773.582.271.484	3.800.576.671.787
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.752.675.988.907	3.785.699.017.849
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	20.906.282.577	14.877.653.938

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	18.881.816.042	12.769.934.105
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.697.038.830	5.359.039.009
Lãi tiền gửi ngân hàng	501.204.914	906.701.372
Khác	380.573.906	228.187.860
TỔNG CỘNG	<u>24.460.633.692</u>	<u>19.263.862.346</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.501.715.834.777	3.555.309.386.192
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.539.313.296	4.505.628.333
TỔNG CỘNG	<u>3.510.255.148.073</u>	<u>3.559.815.014.525</u>

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	114.935.226.731	101.439.810.940
Chi phí nhân công	47.831.828.005	54.190.096.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.139.047.444	10.713.830.297
Khác	55.964.351.282	36.535.884.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.370.421.275	53.216.446.890
Chi phí nhân công	27.769.647.132	29.496.915.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.519.205.519	18.816.681.557
Khác	14.081.568.624	4.902.849.997
TỔNG CỘNG	<u>168.305.648.006</u>	<u>154.656.257.830</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.150.006.505	22.795.497.881
Lỗ chênh lệch tỷ giá	688.469.289	4.509.057.214
Chiết khấu thanh toán	-	297.487.271
Khác	496.607.598	289.514.251
TỔNG CỘNG	<u>23.335.083.392</u>	<u>27.891.556.617</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.432.190.825	5.927.452.997
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	7.729.880.132	5.539.881.777
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	375.000.000
Khác	1.702.310.693	12.571.220
Chi phí khác	(3.262.234.034)	(1.681.063.832)
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	(1.546.197.699)	-
Tiền phạt thuế và phạt khác	(1.248.271.485)	-
Các khoản chi phí khác	(467.764.850)	(1.681.063.832)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	6.169.956.791	4.246.389.165

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.510.255.148.073	3.559.815.014.525
Chi phí nhân công	75.601.475.137	83.687.011.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.658.252.963	29.530.511.854
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9 và 10)	4.434.045.852	4.003.934.985
Chi phí khác	65.611.874.054	37.434.799.459
TỔNG CỘNG	3.678.560.796.079	3.714.471.272.355

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.756.842.479	16.942.935.262
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	421.276.926	2.107.000
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(56.800.000)	-
TỔNG CỘNG	21.121.319.405	16.945.042.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.316.982.496	81.724.094.326
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	20.463.396.499	16.344.818.865
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	236.645.980	604.922.235
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(6.805.838)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	421.276.926	2.107.000
Chi phí thuế TNDN	21.121.319.405	16.945.042.262

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Bán hàng hóa Mua dịch vụ	2.364.182.728 700.365.433	503.255.903 20.141.056.497
Công ty Cổ phần Digi-infofabrica	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Chi phí thuê văn phòng	113.439.554 90.938.182	- -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

					VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển thị trường C.L	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ và hàng hóa	284.000.000	-		
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	Công ty liên kết	Trả trước dịch vụ	10.000.000.000	-		
Phải trả người bán ngắn hạn						
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	2.009.290.154	2.061.190.303		

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Giám đốc:

			VND	
	Năm nay	Năm trước		
Lương và thưởng	2.628.665.154	3.844.176.600		

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

26.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

			VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Dưới 1 năm	3.544.010.000	4.943.407.752		
Từ 1 đến 5 năm	678.000.000	6.344.203.980		
TỔNG CỘNG	4.222.010.000	11.287.611.732		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

26.2 Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

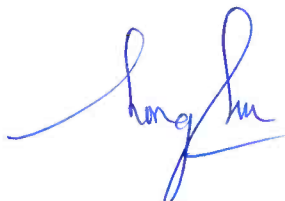
Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	21.916.405.700	78.083.594.300
Công ty TNHH B2X Care Solutions Vietnam	10.000.000	10.000.000	100	-	10.000.000
TỔNG CỘNG	100.010.000.000	100.010.000.000		21.916.405.700	78.093.594.300

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

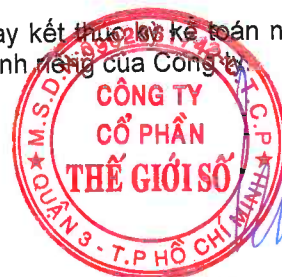
Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Mai Thị Thúy Thoa
 Người lập biểu



Ngô Hồng Sơn
 Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018